

PHỤ LỤC 3A

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH TUYẾN CỐ ĐỊNH

Biểu trưng của Cục Đường bộ Việt Nam
(Cơ quan phát hành)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
(SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM)

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH (PASSENGER LIST)

(Sử dụng cho phương tiện vận tải khách tuyến cố định tạm xuất – tái nhập)
/For export and re-import of vehicles used in scheduled passenger transport operation)

Số(No.):

Số đăng ký phương tiện (Registration No):

Tên doanh nghiệp, HTX (Name of company):
.....

Địa chỉ (Address):

Số điện thoại (Tel No.):, Số fax (nếu có)/Fax No.(if any):
.....

Tuyến vận tải (Route): từ (from) đến (to) và ngược lại.

Bến đi (Departure Bus Terminal):; Bến đến (Arrival Bus Terminal):
.....

Giờ khởi hành từ bến đi (Departure
time):, ngày (date)/...../20

1. Danh sách hành khách khởi hành từ bến xe (Passengers departing from Bus terminal):

Số TT (No.)	Họ tên hành khách (Passenger name)	Số vé (Ticket No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger name)	Số vé (Ticket No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger name)	Số vé (Ticket No.)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1			17			33		
2			18			34		
3			19			35		

4			20			36		
5			21			37		
6			22			38		
7			23			39		
8			24			40		
9			25			41		
10			26			42		
11			27			43		
12			28			44		
13			29			45		
14			30			46		
15			31			47		
16			32			48		
Tổng cộng số hành khách khởi hành từ bến xe: ... người <i>(Total passengers departing from bus terminal):..... (person)</i>						Xác nhận của Bến xe/Ký, đóng dấu: <i>(Bus terminal/Signature and stamp)</i> Ngày (date) / / 20....		

2. Danh sách hành khách mua vé dọc đường do lái xe khai báo *(Other passengers declared by drive):*

Số TT (No.)	Họ tên hành khách (Passenger name)	Số vé (Ticket No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger name)	Số vé (Ticket No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger name)	Số vé (Ticket No.)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)

1			6			11		
2			7			12		
3			8			13		
4			9			14		
5			10			15		
Tổng cộng khách chặng: ... người <i>Total of stage passengers)...</i> <i>(Person)</i>			Lái xe ký tên xác nhận số lượng khách: <i>(Name of Drive and signature)</i>					

(Ghi chú: Danh sách này gồm 4 liên: Liên 1 (gốc) giao Hải quan cửa khẩu; liên 2 giao Chủ phương tiện; liên 3 giao Bến xe; liên 4 giao Biên phòng cửa khẩu)/Note: List of passenger includes 04 copies; 01 copy for Customs; 01 copy for carrier; 01 copy for bus terminal; 01 copy for border guard officer.

Nguồn: Thông tư 29/2009/TT-BGTVT